

Thứ hai, ngày 6 tháng 2 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index bật tăng cuối phiên

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 7/2/2023		•	
Tuần 6/2-10/2/2023		•	
Tháng 02/2023		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Tuy mở cửa giảm điểm, nhưng VN-Index đã có một ngày giao dịch tích cực và cuối cùng kết phiên tại mốc 1,089.29 điểm, tăng hơn 12 điểm so với phiên hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 15/19 ngành tăng điểm, trong đó những ngành tăng tích cực nhất phải kể đến là Dầu khí và Ngân hàng. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này tiếp tục mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Phiên tăng điểm với thanh khoản thấp cho thấy thị trường vẫn còn khá e dè. Trong ngắn hạn, thị trường có thể sẽ có những phiên rung lắc trong quá trình quay trở lại ngưỡng kháng cự cũ 1,100, nhất là sau khi thị trường trải qua phiên giảm điểm hơn 3% mới đây.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 6/2/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **+12.14** điểm, đóng cửa **1089.29** điểm. HNX-Index **-0.81** điểm, đóng cửa **214.47** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VCB (+3.56)**, **BID (+2.1)**, **CTG (+1.03)**, **TCB (+0.75)**, **VNM (+0.73)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VIB (-0.34)**, **MWG (-0.24)**, **STB (-0.17)**, **VHM (-0.16)**, **HVN (-0.14)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **7,270** tỷ đồng, giảm **-55.65%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 9,607 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 22.05 điểm. Thị trường có **219** mã tăng, 69 mã tham chiếu, **181** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **392.2** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **STB (126.78 tỷ)**, **SSI (42.19 tỷ)**, **VCB (31.2 tỷ)**. Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **9.51** tỷ đồng.

Cập nhật ngành điện - Tăng khung giá lẻ bán điện:

Theo Quyết định 02/2023/QĐ-TTg từ ngày 3/2 khung giá bán lẻ điện bình quân được điều chỉnh tăng lên **1.826,22 đồng/kWh - 2.444,09 đồng/kWh** (tương ứng tăng 14% - 28% so với mức cũ). Đây là căn cứ để tính giá bán lẻ điện 2023, mức trần điều chỉnh hiện cao hơn 31% so với giá bán lẻ điện bình quân hiện tại (1.864,44 đồng/kWh)

BSC đánh giá việc tăng giá bán lẻ điện bình quân sẽ cải thiện tình hình kinh doanh và dòng tiền của EVN tuy nhiên các DNNY ngành Điện ko được hưởng lợi trực tiếp từ việc tăng giá bán lẻ điện bình quân này do giá bán điện của các DN cho EVN được quy định riêng, ko tuân theo quy định giá bán lẻ điện. Tuy nhiên một số DN điện có khoản trích lập phải thu sẽ có khả năng hoàn nhập dự phòng (Ví dụ: NT2)

Một số doanh nghiệp điện đáng chú ý năm 2023:

- + QTP: hưởng lợi từ việc thiếu điện ở khu vực phía Bắc và hiện tượng Elnino, mức nền thấp trong năm 2022 và mức định giá hấp dẫn
- + PC1: mảng xây lắp cho thấy tín hiệu phục hồi, catalyst vận hành mỏ Niken trong năm 2023
- + POW: sản lượng phục hồi từ nền thấp 2022

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1089.29**
Giá trị: 7270.07 tỷ **12.14 (112.7%)**
Khối ngoại (ròng): 392.2 tỷ

HNX-INDEX **214.47**
Giá trị: 733.33 tỷ **-0.81 (-37.63%)**
Khối ngoại (ròng): 9.51 tỷ

UPCOM-INDEX **75.96**
Giá trị: 239.93 tỷ **0.42 (55.6%)**
Khối ngoại(ròng): 4.01 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	73.7	0.40%
Giá vàng	1,878	0.67%
Tỷ giá USD/VND	23,471	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	44,963	-0.23%
Tỷ giá JPY/VND	17,775	0.00%
LS liên NH 1 tháng	7.6%	0.24%
LS TPCP 5 năm	4.2%	-0.25%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
STB	126.78	DPM	-48.23
SSI	42.19	DXG	-16.86
VCB	31.20	BID	-16.83
VND	29.59	PVT	-13.56
KBC	28.54	KDH	-11.29

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Hiệu suất PTKT	Trang 2
Thị trường phái sinh	Trang 3
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 4
Thống kê thị trường	Trang 5
Khuyến nghị dài hạn	Trang 6
Danh mục đầu tư cơ bản	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thông kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
31/1/23	DGC	60.3	70	56.6	58.8	6	-2.49%	Có thể giữ nguyên vị thế
15/12/22	TLG	51.1	60	45.5	52.7	53	3.13%	Có thể giữ nguyên vị thế
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt			(**) Tiệm cận giá mục tiêu			

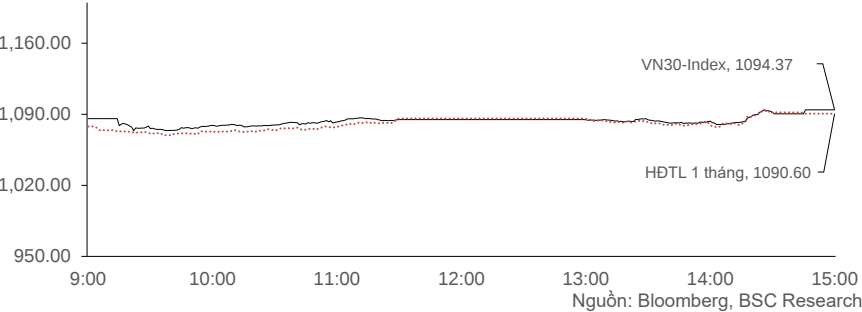
Thông kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá đóng cửa tại ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
12/16/2022	IJC	14.2	18	13	SL	4	-8.45%
8/18/2022	PTB	67.8	77	64	SL	21	-5.60%
8/5/2022	DRC	29.5	34	28.2	SL	54	-4.41%
8/4/22	VTP	62.3	70	58.5	SL	46	-6.10%
8/3/22	REE	81.2	93	78.5	SL	54	-3.33%
8/2/22	POW	13.75	16	13	SL	55	-5.45%
8/1/22	NLG	41.25	48.25	38.6	SL	46	-6.42%
7/20/2022	HAH	67.9	78.5	64.1	SL	7	-5.60%
7/18/2022	GVR	23.2	23.5	21.9	TP	65	1.29%
6/28/2022	C47	13.25	16	12.8	SL	8	-3.40%
6/27/2022	DBC	19.45	24	18.25	TP	9	23.39%
6/6/2022	NT2	25.1	28.5	23.5	TP	8	13.55%
Chú thích: Danh sách thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất					TP - Đã chốt lời	SL - Đã cắt lỗ	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất khuyến nghị lãi	Hiệu suất khuyến nghị lỗ	Hiệu suất bình quân	Số ngày nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	1	1	3.13%	-2.49%	0.32%	30
Cổ phiếu đã chốt	250	230	7.06%	-7.48%	4.01%	23

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4
VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2309	1071.20	0.60%	-23.17	-36.8%	67	9/21/2023	229
VN30F2302	1090.60	0.80%	-3.77	20.6%	284,739	2/16/2023	12
VN30F2303	1088.00	0.51%	-6.37	133.3%	1,638	3/16/2023	40
VN30F2306	1076.90	0.93%	-17.47	372.6%	345	6/15/2023	131

Source: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 tăng 8.67 điểm lên 1094.37 điểm, biên độ dao động 21.01 điểm. Các cổ phiếu như TCB, VCB, VNM, ACB, và VPB đã tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- Cuối phiên VN30 bật tăng và đóng cửa trong sắc xanh sau một ngày giằng co quanh ngưỡng 1,070-1,087. Thanh khoản dưới đường MA20 cho thấy tâm lý thận trọng vẫn đang bao trùm thị trường. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30. Xét về khối lượng, VN30F2309 giảm, các hợp đồng còn lại tăng. Xét về vị thế mở, VN30F2306 giảm, các hợp đồng còn lại tăng.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CTCB2214	6/6/2023	120	3:1	98,400	44.45%	2,470	1,270	9.48%	988	1.29	31,680	27,000	27,950
CVRE2218	3/1/2023	23	5:1	936,900	44.51%	1,000	480	9.09%	417	1.15	33,538	27,888	29,500
CVHM2218	6/6/2023	120	6:1	140,100	34.41%	1,650	610	3.39%	319	1.91	63,180	54,000	47,950
CFPT2210	8/31/2023	206	10:1	294,400	30.32%	2,350	690	2.99%	442	1.56	98,500	90,000	80,500
CVRE2216	8/31/2023	206	4:1	171,700	44.51%	1,650	780	2.63%	868	0.90	36,320	31,000	29,500
CMBB2213	6/6/2023	120	3:1	1,136,500	41.74%	1,550	1,030	1.98%	920	1.12	20,600	17,000	18,700
CFPT2212	6/6/2023	120	10:1	254,300	30.32%	1,870	1,480	0.68%	1,252	1.18	83,200	70,000	80,500
CHPG2215	3/28/2023	50	10:1	766,300	50.43%	1,000	190	0.00%	87	2.18	25,499	22,999	21,150
CVRE2211	3/28/2023	50	8:1	323,100	44.51%	1,000	320	0.00%	265	1.21	34,728	28,888	29,500
CPOW2210	6/6/2023	120	1:1	87,400	44.91%	1,870	980	0.00%	968	1.01	13,850	13,000	12,550
CVPB2212	8/31/2023	206	2.66:1	390,800	39.47%	1,700	470	-2.08%	223	2.11	25,497	24,644	18,500
CVRE2215	3/31/2023	53	2:1	407,900	44.51%	2,600	710	-2.74%	855	0.83	33,900	30,000	29,500
CHPG2225	6/6/2023	120	3:1	898,600	50.43%	1,550	1,680	-2.89%	1,665	1.01	20,870	17,000	21,150
CVPB2213	3/2/2023	24	1.33:1	263,100	39.47%	2,900	350	-7.89%	115	3.03	21,327	20,315	18,500
CSTB2222	3/1/2023	23	4:1	231,200	52.56%	1,000	1,530	-8.93%	1,480	1.03	24,622	20,222	25,700
CHPG2221	3/31/2023	53	4:1	3,868,600	50.43%	1,000	90	-10.00%	121	0.74	25,520	25,000	21,150
CSTB2215	3/28/2023	50	5:1	195,400	52.56%	1,100	1,050	-10.26%	891	1.18	25,722	22,222	25,700
CHPG2223	3/2/2023	24	2:1	1,261,800	50.43%	2,300	380	-11.63%	290	1.31	23,900	22,500	21,150
CSTB2218	3/31/2023	53	2:1	1,418,200	52.56%	2,100	550	-17.91%	691	0.80	28,560	28,000	25,700
CSTB2220	3/2/2023	24	2:1	134,200	52.56%	2,100	1,220	-22.29%	1,161	1.05	25,540	24,500	25,700
Tổng				13,278,900	44.75%**								
Chú thích:			Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất						CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
			Lãi suất phi rủi ro là 4.75%						Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
			**Trung bình độ lệch chuẩn						*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 6/2/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
- CHPG2225 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 15.33%. Giá trị giao dịch tăng 9.25%. CHPG2225 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 15.33%.
- CMSN2214, CVRE2219, CHPG2221, và CSTB2218 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CSTB2222, CSTB2223, CHPG2225, và CVNM2211 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CSTB2214, CSTB2222, CHPG2225, và CVNM2211 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Bảng 2 Top tăng điểm VN30			
CK	Giá	±Giá (%)	Index pt
TCB	27.95	3.14	2.03
VCB	96.00	3.23	1.63
VNM	77.40	1.84	1.22
ACB	24.90	1.63	1.20
VPB	18.50	1.37	1.14
Nguồn: Bloomberg, BSC Research			

Bảng 3 Top giảm điểm VN30			
CK	Giá	±Giá (%)	Index pt
VIB	23.7	-2.67	-0.79
MWG	47.2	-1.36	-0.75
STB	25.7	-1.34	-0.69
VHM	48.0	-0.31	-0.17
MSN	96.3	-0.21	-0.13
Nguồn: Bloomberg, BSC Research			

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	Sắc xanh đầu năm	-1.4%	1.2	3,000	5.4	2,830	16.7	2.9	49.0%	18.5%
PNJ	Bán lẻ	83.8	2.1%	0.8	1,195	1.3	6,073	13.8	3.2	49.0%	24.7%
BVH	Bảo hiểm	50.6	1.8%	0.9	1,633	1.3	2,059	24.6	1.8	27.1%	7.4%
PVI	Bảo hiểm	49.2	-1.2%	0.8	501	0.1	4,509	10.9	1.5	59.6%	10.6%
VIC	Bất động sản	56.0	0.0%	0.5	9,286	3.4	2,252	24.9	1.9	13.1%	8.0%
VRE	Bất động sản	29.5	1.0%	1.1	2,914	1.2	1,204	24.5	2.0	33.4%	8.6%
VHM	Bất động sản	48.0	-0.3%	0.9	9,078	3.5	6,575	7.3	1.4	24.4%	21.3%
DXG	Bất động sản	13.5	0.7%	2.1	358	4.7	255	52.9	0.9	27.8%	1.7%
SSI	Chứng khoán	20.0	1.3%	1.7	1,295	9.9	1,456	13.7	1.3	43.2%	9.3%
VCI	Chứng khoán	27.3	0.2%	1.0	516	4.7	2,004	13.6	1.8	22.3%	13.3%
HCM	Chứng khoán	23.8	0.8%	1.7	473	2.7	1,865	12.8	1.4	46.5%	11.2%
FPT	Công nghệ	80.5	0.5%	0.8	3,840	3.3	4,838	16.6	4.2	49.0%	24.8%
FOX	Công nghệ	57.4	-0.7%	0.4	819	0.0	4,926	11.7	3.1	0.0%	30.2%
GAS	Dầu khí	106.0	0.8%	0.8	8,821	1.1	7,647	13.9	3.4	3.0%	26.7%
PLX	Dầu khí	38.8	4.0%	1.5	2,143	2.4	1,156	33.6	2.0	18.3%	6.0%
PVS	Dầu khí	23.5	-0.4%	1.3	488	5.3	1,501	15.7	0.9	19.3%	6.0%
BSR	Dầu khí	16.1	0.0%	0.8	2,170	3.7	2,108	7.6	1.3	41.1%	19.1%
DHG	Dược	96.8	0.2%	0.3	550	0.0	7,318	13.2	2.9	54.2%	23.7%
DPM	Hóa chất	43.1	0.7%	1.3	733	5.8	14,039	3.1	1.2	19.2%	45.8%
DCM	Hóa chất	26.6	-0.2%	1.4	612	1.9	7,605	3.5	1.3	11.6%	46.7%
VCB	Ngân hàng	96.0	3.2%	0.8	19,753	4.7	6,316	15.2	3.3	23.6%	24.2%
BID	Ngân hàng	45.0	3.8%	1.1	9,897	3.3	3,597	12.5	2.3	17.2%	19.9%
CTG	Ngân hàng	29.9	2.9%	1.2	6,247	3.3	3,518	8.5	1.3	28.1%	16.9%
VPB	Ngân hàng	18.5	1.4%	1.2	5,400	13.4	2,722	6.8	1.3	17.7%	20.7%
MBB	Ngân hàng	18.7	0.5%	1.4	3,686	5.4	3,856	4.8	1.1	23.2%	25.8%
ACB	Ngân hàng	24.9	1.6%	1.2	3,656	2.6	4,053	6.1	1.4	30.0%	26.5%
BMP	Nhựa	58.5	-1.8%	0.8	208	1.0	8,505	6.9	1.8	85.5%	28.3%
NTP	Nhựa	33.0	-0.3%	0.6	186	0.0	3,701	8.9	1.5	17.8%	17.3%
MSR	Tài nguyên	11.7	0.9%	1.5	559	0.1	178	65.7	0.9	10.1%	1.4%
HPG	Thép	21.2	0.2%	1.5	5,347	20.2	1,459	14.5	1.3	23.3%	9.1%
HSG	Thép	14.6	-1.0%	2.0	378	6.4	(1,776)	#N/A N/A	0.9	8.7%	-10.0%
VNM	Tiêu dùng	77.4	1.8%	0.4	7,033	6.4	3,632	21.3	5.4	55.8%	24.1%
SAB	Tiêu dùng	195.4	1.3%	0.8	5,448	0.7	8,006	24.4	5.4	62.7%	23.6%
MSN	Tiêu dùng	96.3	-0.2%	1.1	5,961	2.8	2,515	38.3	5.2	30.7%	12.1%
SBT	Tiêu dùng	15.6	-3.1%	1.2	457	1.3	965	16.2	1.2	12.1%	7.1%
ACV	Vận tải	84.5	0.0%	0.8	7,998	0.0	363	232.9	4.9	3.8%	1.3%
VJC	Vận tải	109.5	0.4%	1.1	2,579	1.1	(4,010)	#N/A N/A	4.2	17.2%	-14.0%
HVN	Vận tải	12.2	-2.0%	1.7	1,170	0.8	(4,720)	#N/A N/A	#N/A N/A	5.9%	#VALUE!
GMD	Vận tải	56.2	2.9%	0.7	736	2.0	3,037	18.5	2.4	49.0%	13.8%
PVT	Vận tải	19.2	-0.8%	1.3	269	1.3	2,587	7.4	1.0	19.1%	14.9%
VCS	Vật liệu xây dựng	52.3	-1.3%	0.8	364	0.2	6,671	7.8	1.7	3.1%	23.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	37.4	1.1%	1.5	728	0.8	3,896	9.6	2.2	5.3%	23.7%
HT1	Vật liệu xây dựng	13.4	-2.2%	1.4	222	0.2	685	19.6	1.0	2.9%	5.1%
CTD	Xây dựng	37.0	0.3%	1.8	119	0.3	281	131.7	0.3	52.3%	0.3%
CII	Xây dựng	13.9	-0.4%	1.7	152	0.9	3,003	4.6	0.6	9.8%	14.2%
REE	Điện	72.9	3.4%	-1.4	1,126	1.0	7,563	9.6	1.7	49.1%	18.7%
PC1	Điện	24.9	6.9%	-0.4	293	1.8	1,664	15.0	1.3	5.2%	9.2%
POW	Điện	12.6	3.3%	0.6	1,278	4.9	809	15.5	1.0	5.7%	6.4%
NT2	Điện	28.1	3.7%	0.8	351	0.7	2,457	11.4	1.8	15.9%	16.3%
KBC	Khu công nghiệp	24.3	1.3%	1.6	811	3.9	2,025	12.0	1.2	19.6%	10.4%
BCM	Khu công nghiệp	84.0	0%	0.9	3,780	0.3	1,306	64.3	5.2	2.9%	9.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VCB	96.00	3.23	3.56	1.15MLN
BID	45.00	ắc xanh đầu năm	2.10	1.75MLN
CTG	29.90	2.93	1.03	2.63MLN
TCB	27.95	3.14	0.75	3.18MLN
VNM	77.40	1.84	0.73	1.91MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
VIB	23.65	-2.67	0	3.21MLN
MWG	47.15	-1.36	0	2.65MLN
STB	25.70	-1.34	0	19.36MLN
VHM	47.95	-0.31	0	1.69MLN
HVN	12.15	-2.02	0	1.44MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

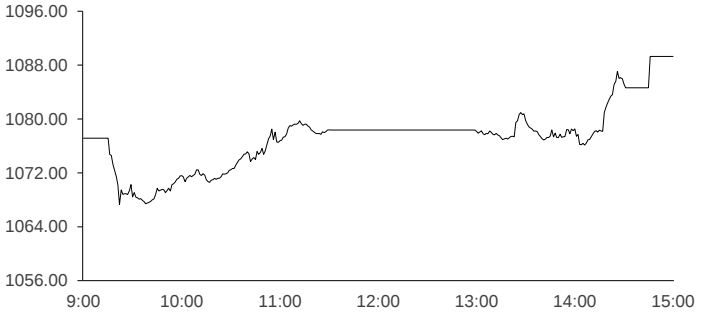
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PTL	4.32	6.93	0.01	116700.00
LAF	13.90	6.92	0.00	300
KHG	5.72	6.92	0.04	7.74MLN
PC1	24.90	6.87	0.11	1.70MLN
HAS	7.32	6.86	0.00	900

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIB	23.65	-2.67	-0.34	3.21MLN
MWG	47.15	-1.36	-0.24	2.65MLN
STB	25.70	-1.34	-0.17	19.36MLN
VHM	47.95	-0.31	-0.16	1.69MLN
HVN	12.15	-2.02	-0.14	1.44MLN

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 1
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CEO	23.00	1.77	0.13	6.81MLN
TAR	13.40	3.88	0.05	1.53MLN
CTB	19.40	8.99	0.04	100
DL1	3.60	9.09	0.03	1.51MLN
OCH	7.50	2.74	0.03	15100

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KSF	58.70	-2.33	-0.34	50200
IDC	39.50	-1.25	-0.19	2.13MLN
HHC	94.50	-10.00	-0.14	100
SHN	7.70	-8.33	-0.13	9400
THD	40.60	-0.49	-0.12	8500

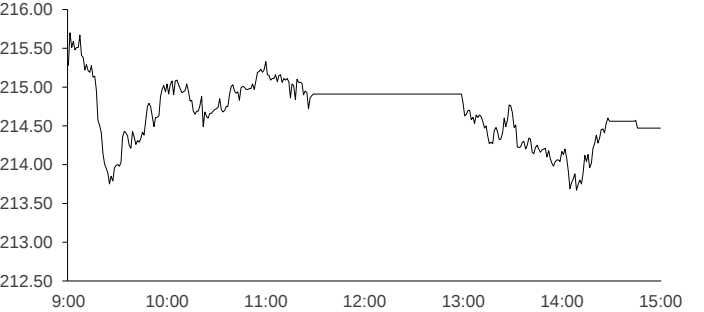
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VTC	12.60	9.6	0.00	100
HMH	13.80	9.5	0.02	21800
BPC	10.40	9.5	0.00	100
EBS	10.50	9.4	0.01	100
VE3	9.40	9.3	0.00	100

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

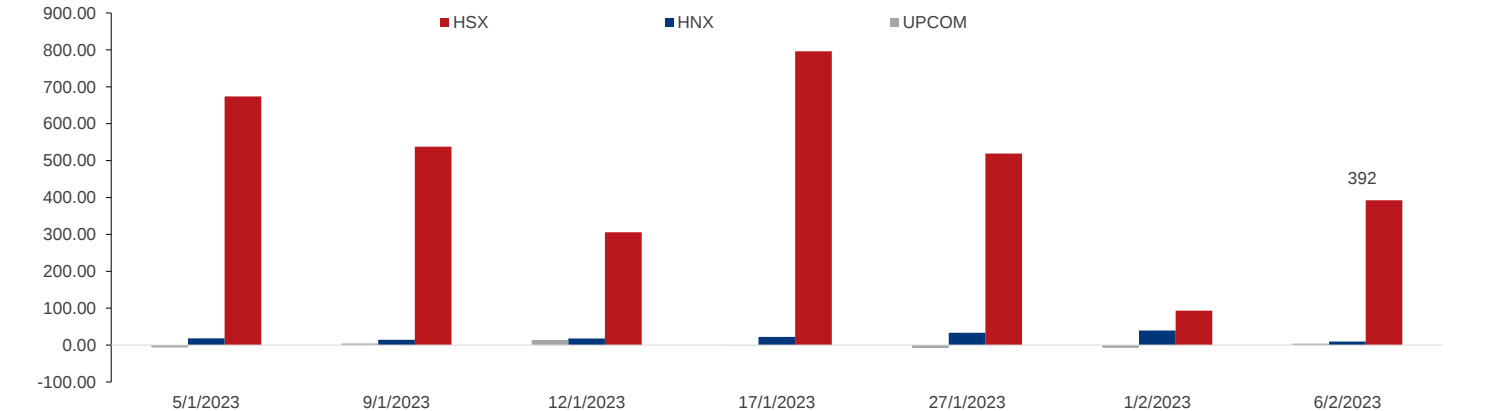
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HHC	94.50	-10.00	-0.14	100
SEB	48.70	-9.81	-0.04	300
CAN	39.60	-9.79	-0.01	500
DNC	41.00	-9.69	-0.01	100
TC6	7.50	-9.64	-0.02	861400

Hình 2
HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	ACV	Hàng không	Mua	14/09/22	87.0	105.0	84.5	363	232.9	4.9	Click
2	PNJ	Sắc xanh đầu năm	Mua	13/09/22	112.2	145.5	83.8	6,073	13.8	3.2	Click
3	PVD	Dầu khí	Mua	09/09/22	20.5	27.1	19.4	0	#N/A N/A	0.8	Click
4	FPT	CNTT	Mua	06/09/22	84.1	107.9	80.5	4,838	16.6	4.2	Click
5	BMP	Nhựa	Mua	07/09/22	62.0	76.9	58.5	8,505	6.9	1.8	Click
6	TLG	Tiêu dùng	Mua	06/09/22	63.2	75.6	52.0	4,643	11.2	2.1	Click
7	KDH	Bất động sản	Mua	30/08/22	37.6	48.2	27.4	1,442	19.0	1.7	Click
8	HAH	Vận tải biển	Theo dõi	24/08/22	64.4	78.0	39.5	10,286	3.8	1.2	Click
9	VHC	Thủy sản	Mua	24/08/22	86.1	108.5	68.6	12,293	5.6	1.6	Click
10	PHR	Bất động sản	Mua	16/08/22	66.5	87.0	43.5	6,272	6.9	1.8	Click
11	BSR	Dầu khí	Mua	19/08/22	24.4	28.4	16.1	2,108	7.6	1.3	Click
12	NLG	Bất động sản	Mua	16/08/22	42.8	53.5	27.7	1,274	21.7	1.2	Click
13	DXG	Bất động sản	Mua	13/08/22	28.0	38.3	13.5	255	52.9	0.9	Click
14	HPG	Thép	Mua	09/08/22	24.1	27.9	21.2	1,459	14.5	1.3	Click
15	DBC	Tiêu dùng	Mua	03/08/22	25.5	31.8	14.9	621	24.0	0.8	Click
16	DPM	Phân bón	Theo dõi	04/07/22	50.0	63.1	43.1	14,039	3.1	1.2	Click
17	HT1	Xi măng	Mua	30/06/22	15.5	18.7	13.4	685	19.6	1.0	Click
18	NT2	Điện	Mua	28/06/22	24.8	28.0	28.1	2,457	11.4	1.8	Click
19	PVD	Dầu khí	Mua	28/06/22	17.4	19.8	19.4	0	#N/A N/A	0.8	Click
20	LHG	BĐS	Mua	27/06/22	31.5	54.8	22.4	4,047	5.5	0.7	Click
21	MIG	Bảo hiểm	Theo dõi	23/06/22	24.8	21.7	15.4	969	15.8	1.4	Click
22	PC1	Điện	Mua	23/06/22	39.2	45.9	24.9	1,664	15.0	1.3	Click
23	POW	Điện	Mua	13/06/22	15.0	17.0	12.6	809	15.5	1.0	Click
24	NKG	Thép	Mua	09/06/22	22.9	30.4	14.1	-253	#N/A N/A	0.7	Click
25	REE	Điện	Mua	08/06/22	98.3	112.7	72.9	7,563	9.6	1.7	Click
26	LTG	Lương thực	Theo dõi	08/06/22	41.8	45.3	28.0	4,406	6.4	0.8	Click
27	GAS	Dầu khí	Mua	08/06/22	130.0	151.4	106.0	7,647	13.9	3.4	Click
28	ANV	Thủy sản	Mua	07/06/22	56.6	68.9	29.6	5,299	5.6	1.3	Click
29	HPG	Thép	Mua	07/06/22	33.2	42.1	21.2	1,459	14.5	1.3	Click
30	VOS	Vận tải biển	Mua	03/06/22	16.2	19.0	10.7	3,485	3.1	1.0	Click
31	BSR	Dầu khí	Mua	02/06/22	27.1	34.4	16.1	2,108	7.6	1.3	Click
32	CTR	CNTT-VT	Mua	27/5/22	82.4	94.5	60.2	3,885	15.5	4.2	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	10/5/22	99.1	122.1	83.8	6,073	13.8	3.2	Click
34	EVE	Dệt may	Mua	29/4/22	16.5	19.0	13.8	2,319	5.9	0.6	Click
35	NT2	Điện	Mua	12/4/22	23.0	27.1	28.1	2,457	11.4	1.8	Click
36	DPR	Cao su	Mua	5/4/22	94.0	110.0	55.6	5,893	9.4	1.0	Click
37	FRT	Bán lẻ	Nắm giữ	30/3/22	156.0	162.1	73.0	3,295	22.2	4.3	Click
38	PC1	Điện	Mua	30/3/22	49.0	63.0	24.9	1,664	15.0	1.3	Click
39	CTI	Xây dựng	Mua	29/3/22	25.7	30.8	13.2	1,600	8.3	0.6	Click
40	FPT	CNTT	Mua	22/3/22	95.3	116.3	80.5	4,838	16.6	4.2	Click
41	DRC	Săm lốp	Mua	16/3/22	32.1	40.0	22.7	2,597	8.7	1.4	Click
42	NKG	Thép	Mua	11/3/22	51.2	60.4	14.1	-253	#N/A N/A	0.7	Click
43	POW	Điện	Mua	10/3/22	16.6	19.1	12.6	809	15.5	1.0	Click
44	PNJ	Bán lẻ	Mua	7/3/22	108.0	129.4	83.8	6,073	13.8	3.2	Click
45	MWG	Bán lẻ	Mua	7/3/22	134.2	154.4	47.2	2,830	16.7	2.9	Click
46	PVT	Vận tải	Mua	7/3/22	27.4	36.0	19.2	2,587	7.4	1.0	Click

Danh mục đầu tư cơ bản

STT	Mã	Ngành	Sàn	Khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá mua	% Lãi/Lỗ	Giá mục tiêu	% Giá hiện tại	Link tài báo cáo
1	ACB	Ngân hàng	HSX	Mua	16.1	13.6	18.38%	19	16.15%	
2	ACV	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	12.6	10.5	20.10%	13	3.59%	Click
3	BCM	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	22.4	18.9	18.52%	24	5.36%	
4	BSR	Dầu khí	UPCOM	Mua	13.3	12.2	9.02%	16	18.05%	Click
5	CTR	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HSX	Mua	19.2	17.5	9.43%	24	26.89%	Click
6	DBC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	15.2	12.0	26.67%	16	5.26%	
7	DRC	Ôtô và linh kiện ô tô	HSX	Mua	72.9	70.2	3.85%	86	17.97%	
8	FPT	Công nghệ	HSX	Mua	84.0	75.0	12.00%	94	12.14%	Click
9	FRT	Bán lẻ	HSX	Mua	39.5	29.0	36.21%	43	9.87%	
10	HND	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	24.3	16.7	45.51%	18	-25.51%	
11	IDC	Xây dựng và vật liệu xây dựng	HNX	Mua	23.5	19.1	23.04%	28	19.15%	
12	KBC	Bất động sản	HSX	Mua	19.4	13.6	42.28%	20	1.81%	
13	LHG	Bất động sản	HSX	Mua	47.2	37.9	24.41%	50	6.68%	
14	MWG	Bán lẻ	HSX	Mua	29.5	25.0	18.00%	32	7.80%	Click
15	PNJ	Hàng tiêu dùng cá nhân và gia đình	HSX	Mua	83.8	70.1	19.54%	66	-21.25%	Click
16	POW	Các dịch vụ hạ tầng	HSX	Mua	24.9	19.1	30.37%	24	-2.01%	
17	PVD	Dầu khí	HNX	Mua	73.0	59.8	22.07%	75	3.15%	
18	PVS	Dầu khí	HNX	Mua	40.5	34.9	16.05%	48	18.52%	
19	PVT	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	77.4	75.7	2.31%	83	7.12%	
20	QTP	Các dịch vụ hạ tầng	UPCOM	Mua	22.7	16.7	35.93%	27	17.71%	
21	REE	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	84.5	74.7	13.12%	90	6.51%	
22	VCB	Ngân hàng	HSX	Mua	80.5	65.9	22.15%	85	5.09%	
23	VEA	Các sản phẩm và dịch vụ công nghiệp	HSX	Mua	14.9	10.6	40.57%	14	-5.37%	
24	VHC	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	60.2	37.7	59.68%	51	-14.95%	
25	VNM	Thực phẩm và đồ uống	HSX	Mua	68.6	74.9	-8.41%	87	27.11%	
26	VRE	Bất động sản	HSX	Mua	96.0	75.0	28.00%	90	-5.94%	

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo. Để có thông tin chi tiết thêm quý nhà đầu tư có thể vào website hoặc sử dụng BSC ibroker.



Trợ lý phân tích định lượng (Kim): cung cấp cho nhà đầu tư các tín hiệu và khuyến nghị kỹ thuật trong ngày.



Trợ lý phái sinh (Hòa): cung cấp các khuyến nghị kỹ thuật trong phiên với 2 mã HĐTL VN30F1M và VN30F2M



Trợ lý phân tích cơ bản (Mộc): cung cấp thông tin tổng quan về tình hình hoạt động của doanh nghiệp thông qua các biểu đồ và các chỉ tiêu tài chính.



Trợ lý chứng quyền (Thỏ): cung cấp các thông tin cơ bản về các mã chứng quyền và định giá Black-Scholes.



Trợ lý báo cáo phân tích (Thủy): cung cấp báo cáo phân tích và khuyến nghị theo phân tích cơ bản từ các chuyên viên phân tích của Phòng PTNC – BSC.

Sử dụng iBroker tại đây

[Link](#)

Bản công bố rủi ro

[Link](#)



BSC NÂNG CẤP TÍNH NĂNG IBROKER

- Tiện ích
- Đầy đủ thông tin
- Nhanh chóng

TÌM HIỂU THÊM



Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2022		x	Click
3	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2019	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 9.2021	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2022	x		Click
7	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2022		x	Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2022	x		Click
9	BSC_Vĩ mô Thị trường Quý II 2022	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2022	x		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2022		x	Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2022	x		Click
13	Triển vọng ngành Thủy sản 2022		x	Click
14	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 3.2022	x		Click
15	Triển vọng ngành Dệt May 2022		x	Click
16	BSC_Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
17	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
19	Cơ hội từ Đầu tư công (lần 3)	x		Click
20	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
21	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
22	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
23	BSC_Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
24	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
25	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
26	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
27	BSC_Vĩ Mô & Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
28	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
29	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý III 2021	x		Click
30	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
31	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
32	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
33	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
34	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
35	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
36	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
37	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
38	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
39	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
40	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
41	BSC_Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
42	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
43	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
44	Banking Sector Outlook		x	Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639